TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2021/DS-PT
Ngày: 22/12/2021.
V/v tranh chấp: "*Chia di sản thừa kế theo pháp luật*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Trần Hữu Tính.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 167/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp *"Chia di sản thừa kế theo pháp luật"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐXXPT-DS ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1931;
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Trần Mỹ V, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Thị Bé B, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Ngọc S, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Ngọc M, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Thị Thu H, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của H, V, S, M, H:
Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; (có mặt)
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Nguyễn Thành B, sinh năm 1966;
Trần Thị N, sinh năm 1966;
Cùng địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của B, N:
Hồ Lê Minh D, sinh năm 1978; (có mặt)
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Trần Ngọc H, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Trung N, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Số M, xã N, huyện P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của N, H:
Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; (có mặt)
Địa chỉ: Số M, phường N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thành B, Trần Thị Nguyệt;

5. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Cụ ông Trần Ngọc H, sinh năm 1932(chết vào ngày 06/5/2001 và cụ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1931 là vợ chồng. Cụ H và cụ H có tất cả là 07 người con gồm: Bà Trần Mỹ V, sinh năm 1956; Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1959; Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960; Bà Trần Thị N, sinh năm 1966; Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1969; Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1972; Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1975.

Lúc sinh thời cụ H và cụ H có tạo lập khối tài sản gồm các phần đất như sau:

Thửa 471, diện tích 2.902 m^2, mục đích sử dụng đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm. Trong thửa đất này có nhiều ngôi mộ của ông bà;

Thửa 305, diện tích 13.718 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm;

Thửa 379, diện tích 4.989 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Tất cả các thửa đất trên đều tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do cụ Trần Ngọc H đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998.

Đến ngày 06/5/2001, cụ Trần Ngọc H chết không để lại di chúc, đến ngày 21/11/2001, ông Trần Ngọc H tự làm văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất làm thủ tục sang tên toàn bộ các thửa đất trên cho ông H gồm các thửa đất như sau:

Thửa 471, diện tích 2.066 m^2, mục đích sử dụng đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm. Trong thửa đất này có nhiều ngôi mộ của ông bà;

Thửa 305, diện tích 13.718 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm;

Thửa 379, diện tích 4.989 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm;

Thửa 1119, diện tích 836 m^2, mục đích sử dụng đất ở nông thôn có một ngôi nhà tường kiên cố với diện tích khoản 757,3 m^2.

Việc ông H lập thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất thì những đồng nguyên đơn không biết và cụ H cũng không biết chữ nhưng trong biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 21/11/2001 thì lại có chữ ký của cụ H.

Sau khi ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đem 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thế chấp cho Ngân hàng Eximbank tại thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền là 4.800.000.000 đồng, sau đó ông H mất khả năng thanh toán nên ngân hàng Eximbank yêu cầu phát mãi tài sản là 04 thửa đất nêu trên để thanh toán số tiền vốn là 4.800.000.000 đồng và lãi phát sinh là 140.000.000 đồng, tổng cộng là 4.940.000.000 đồng.

Vì là đất do ông bà và cha mẹ tạo lập gia đình đã bàn bạc thống nhất để Trần Ngọc S, Trần Ngọc M, Phạm Trung N, Nguyễn Thành B và Trần Thị N cùng xuất tiền ra để trả cho ngân hàng Eximbank với số tiền vốn và lãi ngân hàng Eximbank 4.940.000.000 đồng và gia đình thống nhất để Trần Thị N và Nguyễn Thành B đại diện đứng tên các phần đất trên để vay ngân hàng Á Châu tại thành Phố Hồ Chí Minh với số tiền 4.500.000.000 đồng để trả cho ngân hàng Eximbank, đồng thời phải trả các khoản tiền phát sinh cho ông B và bà N theo bản kê khai của ông B và bà N gồm tiền ông H nợ ngân hàng Eximbank là 4.800.000.000 đồng, tiền lãi là 140.000.000 đồng và tiền thuế sang tên trước bạ chủ quyền đất Trần Ngọc H sang tên Trần Thị N và Nguyễn Thành B là 70.000.000 đồng với tổng số tiền là 5.010.000.000 đồng và hàng tháng bốn người là Trần Ngọc S, Trần Ngọc M, Phạm Trung N, Nguyễn Thành B và Trần Thị N cùng nhau trả số tiền 5.010.000.000 đồng và thực hiện kể từ ngày 11/02/2013 cho đến ngày 03/01/2019 thì ông Phạm Trung N đã chuyển vào tài khoản của ông B với số tiền là 1.941.482.500 đồng, Trần Ngọc M chuyển với số tiền là 1.616.841.614 đồng và Trần Ngọc S chuyển trả với số tiền là 932.878.000 đồng, tổng cộng đã chuyển trả cho ông B với số tiền là 4.491.202.114 đồng và phần còn lại là phần của ông B và bà N và việc ông H lập thủ tục chuyển nhượng đất cho ông B và bà N với số tiền 2.700.000.000 đồng thì phía ông H cũng không có nhận tiền với mục đích làm thủ tục sang tên cho ông B, bà N để ông B và bà N vay tiền từ ngân hàng ACB để trả cho ngân hàng Eximbank và để ông B và bà N đứng tên cho ông H không được thế chấp vay nữa với mục đích là để giữ lại tài sản của ông bà để lại. Nhưng đến năm 2019 thì ông B bà bà N lại

lập hợp đồng chuyển nhượng hai thửa đất là thửa 305, diện tích 13.718 m^2, nay là thửa số 91 với diện tích là 14.287,2 m^2 và thửa 379, diện tích 4.989 m^2, nay là thửa số 01 với diện tích là 4.958,8 m^2 mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, cho bà Lê Thị Diễm T và dẫn đến tranh chấp.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu:

Xác định các thửa đất trên là tài sản chung của cụ H và cụ H và yêu cầu xác định phần di sản của cụ H để lại theo quy định của pháp luật và thống nhất giao lại cho cụ H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Không yêu cầu chia căn nhà trên thửa đất 1119 mà để làm nhà thờ tự ông bà.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N là anh Hồ Lê Minh D trình bày: Ông B và bà N chuyển nhượng các thửa đất nêu trên từ ông H là hợp pháp và ngay tình nên ông B và bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,

Anh Đ đại diện cho ông H trình bày: Việc ông H chuyển nhượng đất cho ông B và bà N là để ông B và bà N vay tiền để cho ông H trả nợ ngân hàng Eximbank nhưng thực tế ông H không có nhận tiền từ ông B và bà N mà việc chuyển quyền sử dụng đất là hình thức để cho ông B và bà N đứng tên mà thôi. Ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Anh Đ đại diện cho ông N trình bày: Đối với số tiền là 1.941.482.500 đồng mà ông N bỏ ra với mục đích là giữ lại tài sản của ông bà cha mẹ để lại nên ông không có yêu cầu trả lại.

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã:

Áp dụng: Khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, điều 137, Điều 674, điều 676, điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468, Điều 623 Bộ luật Dân Sự năm 2015; Điều 95 luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị H, bà Trần Mỹ V, bà Trần Thị Bé B, ông Trần Ngọc S, ông Trần Ngọc M và bà Trần Thị Thu H về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Xác định các thửa đất sau:

Thửa 471, diện tích 2.066 m^2, hiện do ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00779 ngày 30/5/2013. Phần đất có địa chỉ ở ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Phía Đông giáp rạch Ông B ngang 62,4m; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị S ngang 37m; Phía Nam giáp đất ông Trần Văn D dài 53,65m; Phía Bắc giáp đất ông Trần Ngọc L dài 79,37m.

Thửa 305, diện tích 13.718 m^2, nay là thửa số 91 với diện tích là 14.287,2 m^2, hiện do ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00777 ngày 30/5/2013. Phần đất có địa chỉ ở ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 425,64m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn X dài 60,41m, ông Nguyễn Văn H dài 102,60m và bà Bùi Thị Hiếu H dài 193,81m; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Thành B và Trần Thị N ngang 33,45m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thành T ngang 35,64m.

Thửa 379, diện tích 4.989 m^2, nay là thửa số 01 với diện tích là 4.958,8 m^2, hiện do ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00778 ngày 30/5/2013. Phần đất có địa chỉ ở ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Phía Đông giáp ông Nguyễn Văn H ngang 56,46m; Phía Tây giáp đất bà Bùi Thị Hiếu H ngang 35,50m và Trần Thị Mỹ L ngang 3,57m; Phía Nam giáp đất ông Trần T anh dài 109,73m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 13,25m, bà Phạm Thị T dài 24,29m, bà Bùi Thị Hiếu H dài 26,12m và phần đất của ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N dài 33,45m và bà Bùi Thị Hiếu H dài 26,03m.

Thửa 1119, diện tích 836 m^2, hiện do ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00780 ngày 30/5/2013. Phần đất có địa chỉ ở ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N dài 29m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N dài 29m; Phía Nam giápđất ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N ngang 36,8m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N ngang 36,8m.

Thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Trần Ngọc H, cụ Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Thu H, mỗi người được 5.537 m^2.(Phần di sản của cụ H là 5.537 m^2). Có sơ đồ kèm theo.

2- Chia phần di sản của cụ H với diện tích đất là 5.537 m^2 cho 08 kỷ phần gồm cụ Nguyễn Thị H, bà Trần Mỹ V, bà Trần Thị Bé B, ông Trần Ngọc S, bà Trần Thị N, ông Trần Ngọc H, ông Trần Ngọc M và bà Trần Thị Thu H nên mỗi kỹ phần được hưởng là với diện tích đất là 692,125 m^2. (tương ứng với số tiền là 188.245.843 đồng).

3- Chia cho bà Trần Thị N 01 kỷ phần bằng tiền với số tiền là 188.245.843 đồng.

4- Cụ Nguyễn Thị H, bà Trần Mỹ V, bà Trần Thị Bé B, ông Trần Ngọc S, ông Trần Ngọc H, ông Trần Ngọc Minh và bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị N một phần thừa kế được hưởng với số tiền là 188.245.843 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và được quyền sử dụng đối với kỷ phần bà Trần Thị N được chia với diện tích là 692,125 m^2.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5- Ghi nhận sự thỏa thuận của cụ Nguyễn Thị H, bà Trần Mỹ V, bà Trần Thị Bé B, ông Trần Ngọc S, ông Trần Ngọc H, ông Trần Ngọc Minh và bà Trần Thị Thu H giao các thửa đất gồm: Thửa 471, diện tích 2.066 m^2, thửa 305, diện tích 13.718 m^2, nay là thửa số 91 với diện tích là 14.287,2 m^2, thửa 379, diện tích 4.989 m^2, nay là thửa số 01 với diện tích là 4.958,8 m^2 và thửa 1119, diện tích 836 m^2 cho cụ H đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký đất đai theo quy định tại điều 95 Luật đất đai.

6- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/5/2013 giữa ông Trần Ngọc H với ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị N là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/4/2021, bị đơn Nguyễn Thành B, Trần Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ngày 05/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè kháng nghị bản án số 50/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyệc Cái Bè, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thành B, Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn;

Đại diện ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng nghị, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Thừa kế theo pháp luật"* được quy định tại Điều 649 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 23/4/2021 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của bị đơn thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự đương sự có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm:

Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất hàng thừa kế của cụ Trần Ngọc H gồm có: Vợ là cụ Nguyễn Thị H và có 07 người con chung là bà Trần Mỹ V, bà Trần Thị Bé B, ông Trần Ngọc S, bà Trần Thị N, ông Trần Ngọc H, ông Trần Ngọc M và bà Trần Thị Thu H. Ngoài ra cụ H không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Về thời hiệu mở thừa kế: Cụ H chết vào ngày 06/5/2001 tính đến ngày các đồng nguyên đơn khởi kiện vào ngày 11/02/2021 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự.

Di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến ngày mở phiên tòa các đương sự điều thống nhất di sản của cụ H để lại là: Thửa 471, diện tích 2.066 m^2, mục đích sử dụng đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm. Trong thửa đất này có nhiều ngôi mộ của ông bà; Thửa 305, diện tích 13.718 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa 379, diện tích 4.989 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa 1119, diện tích 836 m^2, mục đích sử dụng đất ở nông thôn có một ngôi nhà tường kiên cố với diện tích khoản 757,3 m^2.

Tòa sơ thẩm nhận định về hàng thừa kế, thời hiệu mở thừa kế và di sản thừa kế là phù hợp quy định của Bộ luật Dân Sự;

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ một số chứng cứ và đưa người tham gia tố tụng nên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được như:

Tại thời điểm năm 1998, hộ ông Trần Ngọc H khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có ông H, bà H hay tất cả 04 thành viên trong hộ. Trong khi đó, theo lời thừa nhận của các đương sự các thửa đất trên là ông H, bà H được hưởng từ cha mẹ để lại và có một phần do ông H và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân;

Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc H là không đúng quy định của pháp luật đất đai, vì khi ông H chết thì phát sinh thừa kế và phải có ý kiến của tất cả các đồng thừa kế; Do vậy ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Do đó cần phải đưa Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè tham gia tố tụng;

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông B, bà N vô hiệu là vượt quá yêu cầu khởi kiện;

Trong vụ án này nếu không giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông B, bà N để xác định di dản thừa kế, hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì vụ án mới giải quyết triệt để và phải đưa người tham gia tố tụng theo đúng quy định mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/3/2013 giữa ông H với ông B, bà N trong đó có các thành viên của hộ ông H ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng khi tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng không đưa tất cả người những người cùng ký kết hợp đồng tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Phần tài sản đang tranh chấp do bà Nguyễn Thị H và vợ chồng người cháu là Trần Ngọc N đang quản lý, sử dụng nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng.

Do đó, kháng nghị ngày 05/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè kháng nghị bản án số 50/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyệc Cái Bè, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Vì thế Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do án sơ thẩm bị hủy nên cấp phúc thẩm chưa xem xét đến kháng cáo của bị đơn.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành B, bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 24/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại ông Nguyễn Thành B, bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông B, bà N mỗi người đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0000627, 0000628 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 09 giờ 45 phút, ngày 22/12/2021, có mặt ông D.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- THADS huyện Cái Bè;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu